TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH B	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2020/HNGĐ-ST
Ngày 05-8-2020
V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàn;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1981; địa chỉ: 34/6 khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1990; địa chỉ: 34/6 khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 02 năm 2020 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thùy D có thời gian tìm hiểu nhau 02 năm, thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố D, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2017 ngày 22/5/2017.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại địa chỉ 34/6 khu phố T, phường T1, thành phố D, tỉnh B. Trong cuộc sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, thường xuyên tranh cãi, chị Nguyễn Thị Thùy D không chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu và gây nợ nần, anh Nguyễn Thanh S đã phải trả nợ riêng cho chị Nguyễn Thị Thùy D, anh Nguyễn Thanh S khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Dung không thay đổi, vợ chồng không có sự chia sẻ, tình cảm không được cải thiện. Nay, anh Nguyễn Thanh S xác

định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích T3, sinh ngày 18/10/2017. Hiện nay con chung đang sống cùng anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thùy D. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh S đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng/tháng.

Hiện nay anh Nguyễn Thanh S làm công nhân, thu nhập hàng tháng khoảng 10.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thùy D làm công nhân, thu nhập bao nhiêu anh Nguyễn Thanh S không biết.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Thanh S không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D:

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và triệu tập đến Tòa án để lấy lời khai, hòa giải, tiếp cận chứng cứ cho chị Nguyễn Thị Thùy D nhưng chị Nguyễn Thị Thùy D không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp chứng cứ và không nêu ý kiến đối với các yêu cầu của nguyên đơn.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa, việc giải quyết đảm bảo tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Nguyễn Thanh S có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy D vắng mặt tại phiên tòa hai lần liên tiếp không có lý do. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thùy D là vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố D, tỉnh B theo giấy chứng nhận kết hôn số 65/2017 ngày 22/5/2017 nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Anh Nguyễn Thanh S cho rằng quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, tính tình không hợp nên vợ chồng thường xuyên tranh cãi, vợ chồng không có sự chia sẻ, chị Nguyễn Thị Thùy D không chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu và gây nợ nần, mặc dù có khuyên nhủ nhiều lần nhưng chị Nguyễn Thị Thùy D không thay đổi, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt. Nay, anh Nguyễn Thanh S xác định tình cảm dành cho chị Nguyễn Thị Thùy D không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được nên yêu cầu được ly hôn. Bản thân chị Nguyễn Thị Thùy D, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập đến tham gia phiên hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Nguyễn Thị Thùy D không có mặt và cũng không có bất kỳ ý kiến gì đối với yêu cầu của nguyên đơn, điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng đã thực sự không còn và không muốn hàn gắn, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không đạt được mục đích. Vì vậy, xét thấy không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống chung của vợ chồng, yêu cầu ly hôn của anh

Nguyễn Thanh S là có cơ sở, phù hợp với quy định của Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Qúa trình chung sống anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thùy D có 01 con chung tên Nguyễn Thị Bích T3, sinh ngày 18/10/2017. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Thanh S đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng, chị Nguyễn Thị Thùy D không có ý kiến đối với vấn đề con chung. Xét thấy cháu Nguyễn Thị Bích T3 chưa đủ 36 tháng tuổi và là con gái nên cần sự chăm sóc trực tiếp từ người mẹ vì vậy căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình có cơ sở giao cháu Nguyễn Thị Bích T3 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Thanh S tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thùy D không có ý kiến về việc cấp dưỡng nuôi con. Đối với mức cấp dưỡng anh Nguyễn Thanh S đưa ra là phù hợp với mức cấp dưỡng trung bình tại địa phương, phù hợp với điều kiện và thu nhập hàng tháng của anh Nguyễn Thanh S nên ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh S về việc cấp dưỡng nuôi con chung số tiền là 1.000.000 đồng/tháng. Anh Nguyễn Thanh S có quyền đi lại thăm con.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Từ những phân tích trên, xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[7] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật.

[8] Án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con không có giá ngạch theo quy định tại khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 147, 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thanh S với chị Nguyễn Thị Thùy D.

1.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thanh S được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thùy D (Giấy chứng nhận kết hôn số 65/2017 do Ủy ban nhân dân phường T1, thành phố D, tỉnh B cấp ngày 22/5/2017).

1.2. Về con chung: Tiếp tục giao con chung tên Nguyễn Thị Bích T3, sinh ngày 18/10/2017 cho chị Nguyễn Thị Thùy D trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau ly hôn, anh Nguyễn Thanh S và chị Nguyễn Thị Thùy D đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Thanh S về việc cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Thị Bích T3, sinh ngày 18/10/2017 mỗi tháng là 1.000.000 đồng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Thùy D có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Thanh S không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì hàng tháng phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

1.4. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh S phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0040220 ngày 12/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh B. Anh Nguyễn Thanh S còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự (2);
- VKSND thành phố Dĩ An (1);
- CC THADS thành phố Dĩ An (1);
- TAND tỉnh B (1);
- UBND P.T, TP.D, BD (1);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (2).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)
Trần Thị Thắm